

TÁC ĐỘNG CỦA MÔN KỸ NĂNG HỌC ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH HỌC: QUAN ĐIỂM CỦA SINH VIÊN

ĐỖ HUYỀN CƯ* - HÀ THỊ HUYỀN**

Tóm tắt: Nhiều nghiên cứu cho thấy kỹ năng học tập hiệu quả có liên quan tích cực đến kết quả học tập của người học. Do đó, các trường đại học bao gồm Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đã đưa ra nhiều chiến lược để hỗ trợ việc học tập của sinh viên, việc giảng dạy các kỹ năng học tập cho sinh viên là một ví dụ. Bài báo nghiên cứu tác động của môn học Kỹ năng học đại học đối với quá trình học của sinh viên chuyên ngành ngoại ngữ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thông qua bảng câu hỏi. Bài viết phản ánh những đánh giá của sinh viên về tính phù hợp, tính hữu ích, những lợi ích môn học mang lại, những khó khăn trong quá trình thực hiện và các giải pháp để tăng tính hiệu quả của môn học trong các năm tiếp theo tại trường đại học.

Từ khóa: Kỹ năng học đại học, sinh viên ngành ngoại ngữ.

Abstract: As it is indicated in many researches, effective study skills have been associated with students' learning outcomes across multiple academic content areas and for diverse learners. Universities including Hanoi University of Industry, therefore, have introduced a range of strategies to support student learning including teaching study skills. The purpose of this article is to examine the impact of the subject of Tertiary Study Skills on the study process of foreign language-majored students at Hanoi University of

Industry. The study was conducted using questionnaires for students who have been taught the subject. Findings indicate that the students value the approach in improving their study skills. They also perceive the difficulties encountered and make recommendations for more efficient implementation of the subject at the university.

Keywords: Tertiary study skills, foreign language-majored students.

1. Đặt vấn đề

Trong một số hệ thống giáo dục, thất bại của người học thường được cho là do người học không được chuẩn bị tốt cho việc học và học chưa đủ. Trên thực tế, có rất nhiều yếu tố tác động đến kết quả học tập của người học như chiến lược giảng dạy của giáo viên, thời lượng học tập, môi trường học tập, phương pháp đánh giá, cấu trúc khóa học, kỹ năng học tập (KNHT),... Điều này đã được khẳng định qua nhiều nghiên cứu như của Baik và Greig [1], Hassanbeigi và cộng sự [6], Fazal và cộng sự [3], Bulent và cộng sự [2]. Trong các yếu tố nêu trên, KNHT đã và đang được coi như yếu tố giúp

* ThS - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: cudh@hau.edu.vn

** ThS - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

người học thành công ở tất cả các cấp học. Gettinger và Seibert cho rằng, KNHT không chỉ đóng vai trò là công cụ học tập mà còn là công cụ hỗ trợ nghiên cứu học thuật [5], đặc biệt là tại các trường đại học nơi các yêu cầu học tập mới ngày càng gia tăng.

KNHT đã được các nhà nghiên cứu định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Gettinger và Seibert định nghĩa: “Học tập là việc áp dụng các kỹ năng học tập, kỹ năng này đòi hỏi phải được đào tạo và thực hành với các kỹ thuật cụ thể giúp người học tiếp thu, tổ chức, lưu giữ và sử dụng thông tin” [5, tr.350]. Theo Rafoth và DeFabo: “KNHT hoạt động như một quá trình bao gồm việc lập kế hoạch của người học về những gì người học phải làm, sắp xếp và mã hóa thông tin để đạt được mục tiêu học tập cần thiết” [12]. Purdue và Hattie coi kỹ năng học tập là các hành vi như chuẩn bị cho kỳ thi [11]; Wagner, Schober và Spiel cho rằng, KNHT là làm bài tập, ôn tập, chuẩn bị thuyết trình và dự án [16]; Neri cho rằng, KNHT là sử dụng thư viện [10];... Tóm lại, KNHT là việc sử dụng các chiến lược thích hợp để hoàn thành một nhiệm vụ học tập [4]. Do đóng vai trò quan trọng, KNHT đã và đang được giảng dạy ở nhiều nước trên thế giới, trong khi đó ở Việt Nam mới có một số trường đại học đưa KNHT vào chương trình giảng dạy trong một vài năm gần đây.

Môn học “Kỹ năng học đại học” đã được đưa vào giảng dạy tại học kỳ 1 cho sinh viên (SV) năm nhất chuyên ngành Ngoại ngữ từ năm học 2021 - 2022 tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCNHN). Bài báo nghiên cứu tác động của môn học “Kỹ năng học đại học” đối với quá trình học của SV chuyên ngành Ngoại ngữ tại Trường ĐHCNHN, xem xét khía cạnh thành công của chương trình dưới góc nhìn của SV về

tính hữu ích, tính phù hợp, những tác động tích cực đối với KNHT, những thách thức cũng như giải pháp để triển khai môn học hiệu quả hơn trong tương lai.

2. Chương trình môn học Kỹ năng học đại học

Trường ĐHCNHN là một trường đại học đào tạo theo định hướng ứng dụng với tổng số khoảng 40.000 SV. Qua quá trình giảng dạy, đội ngũ giảng viên thấy rằng KNHT của SV chưa tốt, tỉ lệ SV không đạt đủ điểm tích lũy, đặc biệt là trong năm đầu tiên, cao hơn các năm tiếp theo. Theo thống kê của Phòng Đào tạo - Trường ĐHCNHN 3 năm gần đây, trong khi tỉ lệ thôi học hoặc buộc thôi học hàng năm của toàn hệ đại học của SV năm hai, ba và năm cuối trung bình là 1,7%, thì ở năm nhất tỉ lệ này cao gấp 3 lần, hơn 5%/tổng số SV nhập học. Trong tổng số 10% SV thôi học hoặc buộc thôi học thì con số dành cho lý do chuyển trường là khoảng 3%, các lý do khác cũng khoảng 3%, 4% còn lại dành cho lý do không đủ điểm tích lũy để học tiếp. Để hỗ trợ quá trình học tập của SV, nhà trường cũng đã thực hiện nhiều hoạt động như mở các lớp học kỹ năng mềm, các câu lạc bộ,... ngoại khóa, phát hành sổ tay SV hoặc cung cấp thông tin trên trang web hoặc tài liệu khóa học,... Hình thức này được tác giả Wingate gọi là “bắt vít hay thêm thắt” (bolt-on) [17]. Tuy nhiên, theo báo cáo thống kê của phòng Công tác Sinh viên, số lượng SV tham gia các lớp học kỹ năng này rất thấp mặc dù nhà trường không thu phí, số lượng SV truy cập các thông tin hỗ trợ học tập cũng rất thấp. Theo tác giả Wingate, hạn chế lớn nhất của các hình thức này là các kỹ năng học tập bị tách rời khỏi nội dung và kiến thức môn học. Do đó, tác giả đề xuất để nâng cao hiệu quả học tập, SV cần phải được cung cấp kinh nghiệm xử lý các nhiệm

vụ học tập và phải được phản hồi về việc này để khuyến khích sự suy ngẫm (reflection). Dựa trên các phản hồi đó, SV có thể phát triển các khái niệm và chiến lược để giải quyết các nhiệm vụ tương tự một cách thành thạo hơn [17, tr.3]. Điều này hoàn toàn đồng nhất với quan điểm của Gettinger và Seibert: KNHT cần phải được đào tạo và thực hành với các kỹ thuật cụ thể [5, tr.350].

Để đáp ứng với xu hướng đào tạo và yêu cầu của thực tế, năm 2021, Trường ĐHCNHN tiến hành kiểm định các chương trình đào tạo ngoại ngữ do Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục - Hiệp hội các Trường Cao đẳng, Đại học thực hiện. Các chương trình này sau đó đã được chỉnh sửa và ban hành dựa trên một số căn cứ: kết quả kiểm định, ý kiến đóng góp của các chuyên gia kiểm định, các thông tư của Bộ Giáo dục - Đào tạo, kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, cựu SV của Trường. Chính vì vậy, môn học “Kỹ năng học đại học” đã được đưa vào giảng dạy tại học kỳ 1 cho sinh viên năm nhất chuyên ngành Ngoại ngữ từ năm học 2021 - 2022, bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, theo hình thức học tín chỉ. Chương trình được triển khai dựa trên hình thức dạy học dự án (project-based teaching) vì nhiều nghiên cứu cho thấy hình thức dạy học dự án mang lại nhiều lợi ích ở nhiều khía cạnh khác nhau như quyền tự chủ, động lực, tư duy phản biện, tính độc lập và kỹ năng làm việc nhóm [9], [14], [15], [8], [7]. Chính vì vậy, chương trình này cũng không phải là một ngoại lệ khi được thực hiện sử dụng phương pháp dạy học dựa trên dự án vì chương trình này đòi hỏi sự tự chủ đáng kể, tư duy phản biện, tính độc lập và tinh thần đồng đội,... từ phía người học.

Mục đích của chương trình là giúp SV nâng cao các kỹ năng học tập cần thiết ở bậc đại học, đáp ứng được các chuẩn đầu ra

được mô tả trong khung chương trình đào tạo “Người học có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, nghiên cứu, giải quyết vấn đề, kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, đánh giá chất lượng công việc; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm thích ứng với môi trường làm việc khác nhau; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, bảo vệ quan điểm cá nhân; lập kế hoạch, điều phối, quản lý và hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định”. Đồng thời, SV có thể phát triển các kỹ năng cần thiết khác để học tập hiệu quả tại trường đại học. Quan trọng hơn, chương trình được cho là sẽ hỗ trợ người học phát triển các chiến lược học tập và “chuyển hay áp dụng” các kỹ năng đã được học đó sang các môn học khác - nghĩa là trở thành “người học có chiến lược” [13].

Nhóm tác giả được phân công xây dựng chương trình và trực tiếp giảng dạy môn học. Sau 2 kỳ thực hiện, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu tác động của môn học đối với quá trình học của SV - những người trực tiếp được tham gia môn học - thông qua một bảng hỏi. Nói một cách cụ thể hơn, nghiên cứu xem xét khía cạnh thành công của chương trình dưới góc nhìn của SV về tính hữu ích, tính phù hợp, những tác động tích cực đối với KNHT, những thách thức cũng như giải pháp để triển khai môn học hiệu quả hơn trong tương lai.

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường Ngoại ngữ - Du lịch thuộc Trường ĐHCNHN, với môn học “Kỹ năng học đại học (Tertiary Study Skills)” được giảng dạy ở học kỳ 1 cho SV năm thứ nhất chuyên ngành Ngoại ngữ. Các lớp học được tổ chức mỗi tuần một buổi, mỗi buổi 2 tiết học 50 phút, sử dụng tài liệu do các giảng viên của Trường biên soạn, bao gồm các nội dung liên quan đến kỹ năng công nghệ

thông tin (tìm kiếm tài liệu, sử dụng mạng xã hội), kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ghi chép, đọc tài liệu, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng thi, kỹ năng tư duy phản biện. Học phần diễn ra trong 10 tuần bao gồm 10 bài học và 2 dự án cá nhân để tính điểm kiểm tra trên lớp. Bài thi cuối học phần là dự án được thực hiện theo nhóm và kết quả của dự án này được sử dụng làm bài đánh giá cuối học phần.

Chương trình được tiến hành như sau: Trong tuần đầu tiên, SV được yêu cầu trả lời ba câu hỏi trong bảng hỏi: (1) Em nghĩ các kỹ năng học tập nào của mình tốt?; (2) Em nghĩ các kỹ năng học tập nào của mình không tốt?; (3) Kỳ vọng của em đối với môn học/chương trình này là gì? Sau đó, SV được giới thiệu, hướng dẫn về hai dự án cá nhân và nhóm mà các em phải nộp lần lượt vào tuần 4, tuần 10 và tuần 16 để lấy điểm kiểm tra trên lớp và thi kết thúc học phần. Đối với dự án đầu tiên, SV được yêu cầu viết một bản kế hoạch cho một dự án được giao. Đối với dự án thứ hai, SV phải tham gia vào một câu lạc bộ yêu thích tại Trường ĐHCNHN trong 10 tuần, sau đó viết bài báo cáo về việc tham gia này. Giảng viên hướng dẫn SV ghi chép lại các hoạt động hoặc sự kiện, những gì bản thân có thể làm hoặc không thể làm,... tại câu lạc bộ để họ có tư liệu cho bài báo cáo sau này. Hai tuần một lần, giảng viên sẽ kiểm tra việc ghi chép của SV, phản hồi và hỗ trợ nếu cần thiết và kết quả của việc này cũng sẽ được sử dụng để đánh giá quá trình của người học. Đối với hoạt động trên lớp, SV được yêu cầu thành lập 7 - 8 nhóm, mỗi nhóm từ 3 - 5 thành viên, và tự bầu một nhóm trưởng để thực hiện các hoạt động trong nhóm. Hàng tuần (từ tuần 2 đến tuần 9), sẽ có một nhóm được phân công thực hiện trình bày nội dung bài giảng đã được

nhóm tự nghiên cứu tại nhà trong vòng 1 tuần, theo hình thức thuyết trình hoặc talk show,... tại lớp học. Các nhóm còn lại nghe, tham gia bằng cách nhận xét, đặt câu hỏi, phản biện,... Kết quả của các hoạt động này cũng sẽ được sử dụng để đánh giá người học.

Đối với bài dự án cuối học phần, SV làm việc theo các nhóm nêu trên. SV có thể chọn một trong chín chủ đề cho trước liên quan đến việc chuẩn bị cho tương lai, cuộc sống và hoạt động của SV tại Trường để thực hiện sản phẩm dự án của mình là một video với độ dài 5 - 10 phút. Dự án được thực hiện từ tuần thứ nhất đến tuần thứ mười bốn của chương trình. Trong thời gian này, giảng viên sẽ yêu cầu SV báo cáo thường xuyên về dự án để giảng viên có hướng hỗ trợ, định hướng kịp thời và giúp giảng viên đánh giá dự án của SV chính xác hơn, công bằng hơn. Sản phẩm cuối cùng (video) của SV sẽ được nộp vào tuần thứ mười lăm - tuần cuối cùng của học kỳ. Video của mỗi nhóm được gọi ý bao gồm một số phần như giới thiệu (chủ đề, thành viên trong nhóm), nội dung chính, lời cảm ơn và tài liệu tham khảo. Sau đó, các giảng viên giảng dạy trong chương trình sẽ đánh giá các sản phẩm dự án này dựa trên 2 tiêu chí chính là “lập kế hoạch làm việc nhóm” và “sản phẩm dự án”. Tiêu chí đầu tiên chiếm 30% và tiêu chí sau chiếm 70% tổng số điểm, trong đó nội dung quan trọng hơn là tính sáng tạo và định dạng video. Tất cả những yêu cầu về đánh giá đã được thông báo cho SV trong tuần đầu tiên của học kỳ.

Nhóm tác giả đã sử dụng bảng câu hỏi dành cho SV để thu thập dữ liệu nghiên cứu. Đối tượng tham gia nghiên cứu là 278 SV chuyên ngành Ngoại ngữ (trong đó 193 SV năm nhất và 85 SV thuộc năm 2 - năm

học 2022 - 2023). Bảng hỏi bao gồm 6 câu hỏi, khảo sát ý kiến của SV về tính phù hợp, tính hữu ích, thuận lợi và khó khăn nảy sinh trong quá trình thực hiện, những kỹ năng học tập nào SV có thể cải thiện sau dự án, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của môn học. Sau đó, số liệu được thống kê và chuyển thành tỉ lệ phần trăm được thể hiện dưới dạng bảng, biểu đồ để dễ dàng so sánh, đối chiếu.

3. Lợi ích của môn học đối với việc học tập của sinh viên

Chương trình giảng dạy môn học “Kỹ năng học đại học” được thực hiện với giả định: SV có thể phát triển các kỹ năng học tập ở bậc đại học. Kết quả từ việc đánh giá chương trình dưới góc nhìn của người học đã ủng hộ giả định này.

3.1. Tính phù hợp và hữu ích của môn học

Phản hồi của SV qua đợt khảo sát cuối khóa học cho thấy SV đánh giá chương trình này phù hợp và hữu ích. SV được yêu cầu cho biết mức độ đồng ý trên thang đo Likert 5 mức. Trong số những người tham gia, gần 100% SV đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng chương trình không chỉ phù hợp mà còn hữu ích, cụ thể mức đánh giá trung bình của người học về tính phù hợp của chương trình là 4,62/5 và tính hữu ích là 4,92/5 (xem *Bảng 1*).

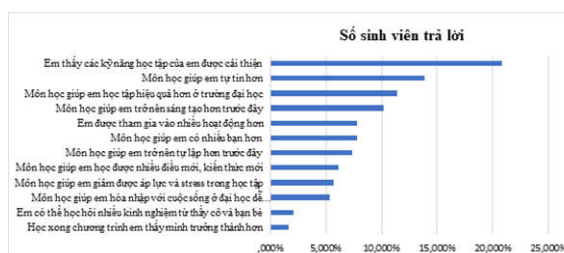
Bảng 1. Kết quả đánh giá của sinh viên về tính phù hợp và hữu ích của môn học Kỹ năng học đại học (n = 278)

	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Điểm trung bình (/5)
Môn học phù hợp	0	0	4	14	260	4,92
Môn học hữu ích	0	0	10	86	182	4,62

3.2. Lợi ích của môn học

Từ số liệu thu thập được, nhóm tác giả đã nhóm và mã hóa thành 11 khía cạnh như trong *Biểu đồ 1*. Kết quả thu được từ câu

hỏi “Theo em, chương trình mang lại những lợi ích gì? (hãy liệt kê 02 điều hữu ích nhất)” chỉ ra rằng SV coi trọng các khía cạnh liên quan đến kỹ năng mềm của mình hơn là kiến thức hàn lâm. 20,82% SV cho rằng môn học giúp bản thân phát triển các kỹ năng học tập. Một tỉ lệ nhỏ hơn (13,8%) nghĩ rằng mình trở nên tự tin hơn trước. Khoảng 11% SV tin rằng mình trở nên sáng tạo hơn và học tập thành công hơn ở trường đại học sau khi tham gia chương trình. Số SV cho rằng mình có thể tham gia nhiều hoạt động, có nhiều bạn bè và tự lập hơn chiếm khoảng 7,5%. Một số em (khoảng 2%) trả lời mình có thể học hỏi kinh nghiệm từ thầy cô, bạn bè để trưởng thành hơn.



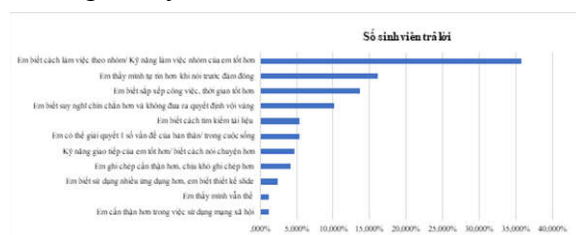
Biểu đồ 1. Ý kiến của sinh viên về lợi ích của môn học Kỹ năng học đại học

Tương tự như vậy, đối với câu hỏi “Những kỹ năng học tập nào của em được cải thiện sau khi học xong chương trình?”, nhóm tác giả cũng đã nhóm và mã hóa thành 11 kỹ năng với thứ hạng khác nhau như trong *Biểu đồ 2* dưới đây. Con số lớn

nhất, hơn 35%, đồng ý rằng mình làm việc nhóm tốt hơn, tiếp theo là kỹ năng thuyết trình (*tự tin nói trước đám đông*), 16%. Hơn 13,5% SV tin rằng kỹ năng quản lý

thời gian (*biết sắp xếp công việc, thời gian*) của mình đã được cải thiện trong khi tỉ lệ dành cho kỹ năng tư duy phản biện (*suy nghĩ chín chắn hơn, không đưa ra quyết định vội vàng*) thấp hơn một chút, khoảng 10%. Các kỹ năng học tập khác như tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề (*giải quyết vấn đề của bản thân, cuộc sống*), giao tiếp và kỹ năng ghi chép được xếp hạng thấp hơn nhiều so với các kỹ năng nêu trên, khoảng hơn 4%. Kỹ năng sử dụng mạng xã hội được cho là có sự cải thiện ít nhất, khoảng 1,2%, - bằng với con số SV cho rằng mình không cải thiện được kỹ năng học tập (*em thấy mình vẫn thế*). Kết quả này có thể giải thích tại sao vẫn có một số ít SV đánh giá “trung lập” về tính hữu ích và phù hợp của môn học (xem *Bảng 1*).

Tuy kết quả trên trái ngược với câu trả lời cho câu hỏi được đặt ra trong tuần đầu tiên của khóa học khi gần như 100% SV cho biết các em gặp khó khăn ở hầu hết các kỹ năng như làm việc nhóm, tư duy phản biện, thuyết trình hay kỹ năng giải quyết vấn đề,... nhưng cũng cho thấy môn học đã đáp ứng được mong muốn của người học khi gần 100% người học đều mong muốn mình có thể cải thiện được những kỹ năng học tập còn yếu kém sau khóa học.

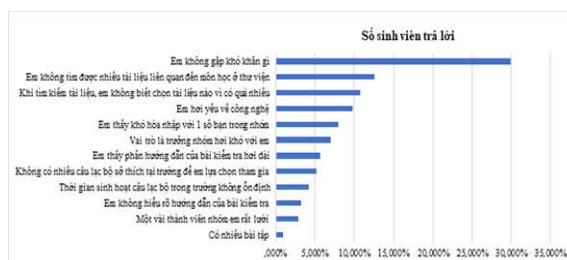


Biểu đồ 2. Ý kiến của sinh viên về việc cải thiện các KNHT sau khi học xong môn học

4. Những khó khăn sinh viên gặp phải khi tham gia môn học

Câu trả lời của SV cho thấy các vấn đề các em gặp phải trong quá trình tham gia môn

học này liên quan đến cả yếu tố khách quan (tài liệu môn học, hướng dẫn của bài kiểm tra, thời gian sinh hoạt và loại hình câu lạc bộ, thành viên nhóm) và yếu tố chủ quan (kỹ năng sử dụng công nghệ, tìm kiếm tài liệu, làm việc nhóm của SV) (xem *Biểu đồ 3*).



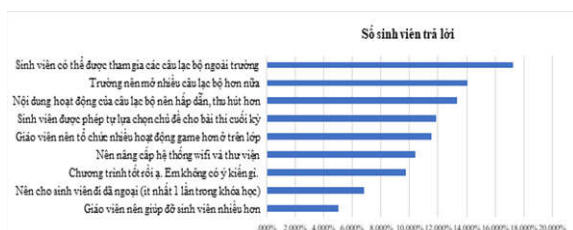
Biểu đồ 3. Khó khăn sinh viên gặp phải khi học môn học Kỹ năng học đại học

Đáng ngạc nhiên là gần 1/3 SV cho biết họ không gặp khó khăn gì trong quá trình học môn học này. Trên 10% SV trả lời rằng việc tìm tài liệu tin cậy, liên quan đến môn học ngay cả ở tại thư viện cũng rất khó khăn. Gần 10% SV cảm thấy kỹ năng công nghệ là một thách thức lớn đối với bản thân. Các rào cản khác đối với việc áp dụng chương trình liên quan đến kỹ năng làm việc nhóm, trong đó gần 8% SV cảm thấy khó hòa hợp với các thành viên trong nhóm của mình, khoảng 7% SV thấy trưởng nhóm là một nhiệm vụ không hề dễ dàng và một số ít SV phải đối mặt với thành viên lười biếng trong nhóm (khoảng 3%). Những SV gặp vấn đề liên quan đến hướng dẫn bài kiểm tra và câu lạc bộ chiếm tỉ lệ trung bình lần lượt là khoảng 4,5% và 4,2%. Chỉ có khoảng 1% SV gặp vấn đề với số lượng bài tập về nhà.

5. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của môn học

SV được yêu cầu đưa ra các đề xuất để việc thực hiện chương trình dạy và học kỹ năng học đại học hiệu quả hơn và những đề xuất này có thể xuất phát từ những khó

khẩn mà bản thân SV gặp phải trong quá trình thực hiện môn học. Câu trả lời của SV chủ yếu tập trung vào câu lạc bộ, lựa chọn chủ đề cho kỳ thi cuối học phần, hoạt động trong lớp, công cụ học tập (wifi và thư viện) và vai trò của giáo viên (xem *Biểu đồ 4*).



Biểu đồ 4. Đề xuất của sinh viên để môn học hiệu quả hơn

Phần lớn ý kiến đề xuất của SV tập trung vào các câu lạc bộ, trong đó trên 17% mong muốn được tham gia các câu lạc bộ bên ngoài Trường và một con số nhỏ hơn (khoảng 14%) đề nghị nên tổ chức nhiều loại hình câu lạc bộ hơn và hoạt động câu lạc bộ nên thu hút, hấp dẫn hơn. Về vấn đề chọn chủ đề cho bài kiểm tra cuối kỳ và các hoạt động trên lớp, gần 12% SV muốn tự chọn chủ đề và giáo viên nên tổ chức thêm trò chơi trong các giờ học. Khoảng 11% SV đề nghị cải thiện hệ thống wifi và thư viện để thuận tiện cho việc học tập. Đáng ngạc nhiên là gần 10% trong số họ cho rằng chương trình đã tốt rồi nên không cần giải pháp gì nữa, mặc dù con số này chỉ bằng 1/3 số SV nói rằng không gặp khó khăn gì trong quá trình học môn học này.

6. Kết luận

Bài báo nghiên cứu quan điểm SV về tác động của môn học “Kỹ năng học đại học”, những khó khăn SV gặp phải khi thực hiện môn học và tìm kiếm giải pháp để triển khai môn học hiệu quả. Mặc dù, bài báo dựa trên một nghiên cứu quy mô nhỏ tại Trường ĐHCNHN và do đó bị giới hạn về phạm vi, nhưng những phát hiện của chúng

tôi rất có ý nghĩa đối với các trường đại học, cao đẳng đang xem xét đến các phương pháp hỗ trợ để phát triển kỹ năng học tập cho SV. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy chương trình này có thể hỗ trợ SV cải thiện các kỹ năng học tập, từ đó giúp cho việc học tập của SV tại bậc đại học đạt hiệu quả hơn. Và để có cái nhìn toàn diện hơn, chúng tôi đề xuất các nghiên cứu tiếp theo nên tập trung tìm hiểu quan điểm của giảng viên về việc thực hiện môn học này, kết quả học tập của SV khi áp dụng các kỹ năng học tập,... Cuối cùng, chúng tôi đề xuất chương trình này nên được áp dụng lâu dài và ở một quy mô rộng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Baik, C. & Greig, J., “Improving the academic outcomes of undergraduate ESL students: the case for discipline - based academic skills programs”, *Higher Education Research & Development*, Vol.28, No.4, pp.401-416, 2009.
- [2] Bulent, A. et al., “An analysis of Undergraduates’ Study Skills”, *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, Vol.197, pp.1355-1362, 2015.
- [3] Fazal, S. et al., “The role of study skills in academic achievement of students: a closer focus on gender”, *Pakistan Journal of Psychological Research*, Vol.27, No.1, pp.37-51, 2012.
- [4] Gall, M. D., Gall, J. P., Jacobsen, D. R. & Bullock, T. R., *Tools for Learning: A Guide to Teaching Study Skills*, Association for Supervision and Curriculum Development, Alexandria, 1990.
- [5] Gettinger, M. & Seibert, J. K., “Contributions of Study Skills to Academic Competence”, *School Psychology Review*, Vol.31, No.3, pp.350-365, 2002.
- [6] Hassanbeigi, A. et al., “The relationship between study skills and academic performance of university students”, *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, Vol.30, pp.1416-1424, 2011.
- [7] Kaya H. et al., “Nursing students’ opinions regarding project based learning”, *Procedia Social and*

Behavioral Sciences, Vol.152, pp.379-385, 2014.

[8] Kettanun, C., "Project-based learning and its validity in a Thai EFL classroom", *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, Vol.192, pp.567-573, 2015.

[9] Moss, D., & Van Duzer, C., *Project-based learning for adult English language learners*, ERIC Digest, Washington, D.C., 1998.

[10] Neri, D. L. E., "Learning styles and study skills among nursing students", *Liceo Journal of Higher Education Research*, Vol.5, No.1, pp.97-109, 2007.

[11] Purdue, N. & Hattie, J., "The relationship between study skills and learning outcomes: A meta-analysis", *Australian Journal of Education*, Vol.43, No.1, pp.72-86, 1999.

[12] Rafoth, M. A. & DeFabo, L., *Study skills: What research says to the teacher?*, NEA Professional Library, West Haven, 1990.

[13] Stoller, F., "Content-based instruction: A

shell for language teaching or a framework for strategic language and content learning?", *Paper presented at the TESOL Convention*, Salt lake City, Utah, 2002.

[14] Thomas, J. W., *A review of research on project-based learning*, The Autodesk Foundation, California, 2000.

[15] Van Lam, N. T., "Project-based learning in teaching English as a foreign language", *VNU Journal of Foreign Studies*, Vol.27, No.2, 2011.

[16] Wagner, P., Schober, B. & Spiel, C., "Time investment and time management: An analysis of time students spend working at home for school", *Educational Research and Evaluation*, Vol.14, No.2, pp.139-153, 2008.

[17] Wingate, U., "Doing away with study skills", *Teaching in Higher Education*, Vol.11, No.4, pp.457-469, 2006.